

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT. Tên viết tắt : CONINCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Công	Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên
Ông Phan Ngọc Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Công	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Anh	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Công
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Số: 90 /2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ,
Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến điểm 5.8 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty hiện đang ghi nhận tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu 1.150.000.000 đồng là giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO. Việc ghi nhận này có sự khác biệt so với các quy định về kế toán hiện hành.



Nguyễn Anh Tuấn**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779 -2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.***Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015*

Vũ Thị Hồng Quỳnh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		266.272.441.621	247.893.560.588
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.351.219.702	29.814.151.022
1. Tiền	111		30.351.219.702	29.814.151.022
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.773.800.000	18.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		41.773.800.000	18.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.606.874.096	77.730.257.929
1. Phải thu khách hàng	131		37.378.785.840	25.987.436.452
2. Trả trước cho người bán	132		4.414.208.348	14.485.327.944
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	36.813.879.908	37.257.493.533
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	57.554.657.161	63.609.029.916
1. Hàng tồn kho	141		57.554.657.161	63.609.029.916
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		57.985.890.662	58.740.121.721
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	366.862.939	7.717.997.714
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.5	267.630.460	603.936.453
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	57.351.397.263	50.418.187.554
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220 +240+250+ 260)	200		43.657.514.294	41.920.104.309
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		27.845.552.431	29.663.711.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	14.259.802.430	16.027.145.863
- Nguyên giá	222		39.956.661.266	39.191.121.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.696.858.836)	(23.163.975.403)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.169.750.001	1.220.565.234
- Nguyên giá	228		1.828.728.180	1.828.728.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(658.978.179)	(608.162.946)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	12.416.000.000	12.416.000.000
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	8.345.000.000	8.345.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.395.000.000	7.395.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		950.000.000	950.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		7.466.961.863	3.911.393.212
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	5.795.162.043	3.701.963.212
3. Tài sản dài hạn khác	248		1.671.799.820	209.430.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		309.929.955.915	289.813.664.897

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		236.519.025.347	252.832.607.953
I- Nợ ngắn hạn	310		235.916.275.347	252.832.607.953
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	1.357.933.500	2.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		12.854.634.129	7.873.053.695
3. Người mua trả tiền trước	313		141.211.657.541	166.485.414.775
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	2.195.676.238	1.099.468.694
5. Phải trả người lao động	315		6.353.825.605	3.832.739.394
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.14	71.004.947.502	70.776.683.950
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		937.600.832	365.247.445
II- Nợ dài hạn	330		602.750.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	602.750.000	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		73.410.930.568	36.981.056.944
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	73.410.930.568	36.981.056.944
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		44.000.000.000	22.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.900.000.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.332.341.133	5.752.504.080
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.776.900.242	2.986.981.715
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.401.689.193	6.241.571.149
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		309.929.955.915	289.813.664.897*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

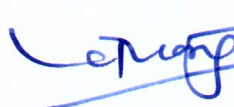
Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	57.400.243	57.400.243
5. Ngoại tệ các loại - USD	19.459,52	30.662,93

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

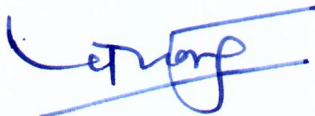
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		267.921.773.486	218.091.439.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	267.921.773.486	218.091.439.864
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	228.232.555.675	182.689.912.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		39.689.217.811	35.401.527.381
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	3.182.707.820	5.174.858.015
7. Chi phí tài chính	22	5.20	126.900.000	12.532.075
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>126.900.000</i>	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.358.200.740	32.259.595.734
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		8.386.824.891	8.304.257.587
11. Thu nhập khác	31		4.422.987.629	2.296.740.089
12. Chi phí khác	32		83.274.930	119.196.436
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	4.339.712.699	2.177.543.653
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.726.537.590	10.481.801.240
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	2.767.234.279	2.582.615.973
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		9.959.303.311	7.899.185.267
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	4.266	3.591

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

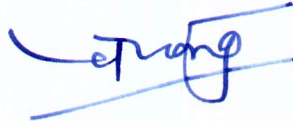
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	277.366.249.572	240.490.137.731
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(259.232.823.363)	(171.099.004.189)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.687.519.079)	(23.533.999.352)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(126.900.000)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.786.531.779)	(3.609.367.183)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.858.507.131	22.949.093.439
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.077.563.608)	(64.116.199.368)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.686.581.126)	1.080.661.078
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(765.540.000)	(5.014.389.109)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(69.373.800.000)	(64.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.600.000.000	74.888.908.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.700.835.724	2.712.575.490
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.838.504.276)	8.587.094.381
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	31.900.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.960.683.500	2.400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.400.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.409.232.000)	(4.748.053.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.051.451.500	(2.348.053.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	526.366.098	7.319.702.259
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.814.151.022	22.506.980.838
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.702.582	(12.532.075)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	30.351.219.702	29.814.151.022

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT. Tên viết tắt: CONINCO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 44.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ Đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.122.000	11.220.000.000	25,5%
Các cổ đông khác	3.278.000	32.780.000.000	74,5%
Tổng	4.400.000	44.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân năm 2014: 952 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Giáo dục nghề nghiệp
(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Sản xuất máy thông dụng khác
Chi tiết: Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện)
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Đại lý môi giới, đấu giá
Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động môi giới, đấu giá)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Thì công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;
Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức “Chìa khóa trao tay”;
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu
Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Kinh doanh dịch vụ bất động sản (không hoạt động môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác
Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch
Kinh doanh Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Kinh doanh nhà hàng, quán ăn; Dịch vụ ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
Thăm dò và khai thác mỏ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;
Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;
Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;
Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết:

Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết

Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng: lắp đặt thiết bị công nghệ mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Thiết kế mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Giám sát công tác khảo sát xây dựng; Khảo sát địa chất công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 1; Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên; Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng; Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hoá, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài; Thăm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng; Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng;

Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường); Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế tổng mặt bằng công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình: giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp & hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2014 gồm giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO và một số phần mềm quản lý.

Đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý và chi phí thiết kế website được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 02 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát thi công và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.658.182.758	5.904.158.793
Tiền gửi ngân hàng	27.693.036.944	23.909.992.229
Tổng	30.351.219.702	29.814.151.022

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.2 Phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng Công ty	36.184.395.097	34.489.846.225
Phải thu khác-tiền điện	104.352.800	72.428.700
Phải thu khác-tiền điện thoại	33.667.158	20.646.258
Phải thu khác-tiền thuế VAT	27.068.612	-
Phải thu khác-tiền BHXH, BHYT, KPCĐ	481.486.736	617.920.767
Phải thu khác-tiền Photocopy, In ấn tài liệu	398.988.245	359.003.026
Phải thu khác-khấu hao TSCĐ	530.890.228	586.629.353
Tiền ứng thi công công trình	34.520.152.054	32.833.218.121
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	87.789.264	-
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	4.590.012	2.142.752.509
Phải trả phải nộp khác	4.590.012	2.142.752.509
Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ XD và KĐMT	624.894.799	624.894.799
Phải thu khác	624.894.799	624.894.799
Tổng	36.813.879.908	37.257.493.533

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	57.554.657.161	63.609.029.916
Tổng	57.554.657.161	63.609.029.916

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh		
Chi phí chờ phân bổ cho các công trình	366.862.939	7.717.997.714
Tổng	366.862.939	7.717.997.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	603.936.453
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa (Văn phòng HN)	267.630.460	-
Tổng	267.630.460	603.936.453

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng thực hiện hợp đồng	54.291.940.363	50.418.187.554
Cầm cố ký cược ký quỹ ngắn hạn	3.059.456.900	-
Tổng	57.351.397.263	50.418.187.554

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	15.040.432.242	11.512.427.194	7.859.131.519	4.779.130.311	39.191.121.266
Tăng trong năm	-	-	514.567.273	250.972.727	765.540.000
Mua trong năm	-	-	514.567.273	250.972.727	765.540.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	15.040.432.242	11.512.427.194	8.373.698.792	5.030.103.038	39.956.661.266
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	6.038.537.316	11.017.058.207	3.630.330.142	2.478.049.738	23.163.975.403
Tăng trong năm	594.812.935	299.684.154	747.378.624	891.007.720	2.532.883.433
Khấu hao trong năm	594.812.935	299.684.154	747.378.624	891.007.720	2.532.883.433
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	6.633.350.251	11.316.742.361	4.377.708.766	3.369.057.458	25.696.858.836
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	9.001.894.926	495.368.987	4.228.801.377	2.301.080.573	16.027.145.863
Tại 31/12/2014	8.407.081.991	195.684.833	3.995.990.026	1.661.045.580	14.259.802.430

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2014 với giá trị là 13.007.834.804 đồng (năm 2013 với giá trị là: 14.432.406.561 đồng).

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2014	Thương hiệu CONINCO	Phần mềm	Tổng
<i>Nguyên giá</i>			
Tại ngày 01/01	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
<i>Hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày 01/01	-	608.162.946	608.162.946
Tăng trong năm	-	50.815.233	50.815.233
Khấu hao trong năm	-	50.815.233	50.815.233
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	-	658.978.179	658.978.179
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01	1.150.000.000	70.565.234	1.220.565.234
Tại ngày 31/12	1.150.000.000	19.750.001	1.169.750.001

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	12.416.000.000	12.416.000.000
Tăng	1.670.631.455	2.580.988.855
Giảm	1.670.631.455	2.580.988.855
- Giảm khác	1.670.631.455	2.580.988.855
Tại ngày 31 tháng 12	12.416.000.000	12.416.000.000
	31/12/2014	01/01/2014
<i>Chi tiết theo công trình</i>	VND	VND
Đầu tư xây dựng Khu văn phòng, nhà ở và dịch vụ công cộng- Xuân Phương Garden -DA2009	12.416.000.000	12.416.000.000
Tổng	12.416.000.000	12.416.000.000

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.701.963.212	3.110.299.960
Tăng	4.796.420.617	4.804.152.921
Giảm	2.703.221.786	4.212.489.669
Tại ngày 31 tháng 12	5.795.162.043	3.701.963.212
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.156.659.768	2.411.468.785
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.638.502.275	1.290.494.427
Tổng	5.795.162.043	3.701.963.212

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty liên doanh	-	2.280.000.000	-	2.280.000.000
Công ty CP LD Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	228.000	2.280.000.000	228.000	2.280.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		5.115.000.000	-	5.115.000.000
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
Công ty CP TEXO Tư vấn và Đầu tư	62.500	625.000.000	62.500	625.000.000
Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	72.000	720.000.000	72.000	720.000.000
Công ty CP Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	342.000	720.000.000	342.000	720.000.000
Đầu tư dài hạn khác		950.000.000	-	950.000.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
Công ty LILAMA LAND	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Tổng		8.345.000.000	-	8.345.000.000

Thông tin chi tiết về Công ty liên doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP Liên doanh Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	Số 4 Tôn Thất Tùng, HN	6.000.000.000	38%	Buôn bán và bảo trì thang máy

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình CN	P516,518,520 và 522 toà nhà Coninco,số 4 Tôn Thất Tùng, Hà Nội	4.200.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Tầng 6 Tòa Nhà Lạc Hồng Số 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân HN	10.000.000.000	6,25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO CN XD và Môi trường	P408,410 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	3.000.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý XD Miền Nam	118 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, TP HCM	2.000.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	P704 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.550.000.000	29%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	P604 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.500.000.000	28,80%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa,HN	9.500.000.000	36%	Tư vấn xây dựng

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay cá nhân	-	2.400.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	1.357.933.500	-
Tổng	1.357.933.500	2.400.000.000

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	831.878.077	150.268.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	405.013.547	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.321.371	643.431.947
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	306.937.870	-
Các loại thuế khác	621.477.545	305.768.579
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.047.828	-
Tổng	2.195.676.238	1.099.468.694

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	223.042.072	357.488.500
Bảo hiểm xã hội	-	1.010.938.161
Bảo hiểm y tế	-	1.053.948.562
Bảo hiểm thất nghiệp	-	455.040.218
Các khoản phải trả, phải nộp khác	70.781.905.430	67.899.268.509
<i>Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoán nội bộ</i>	<i>54.041.013.219</i>	<i>50.134.233.942</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>16.740.892.211</i>	<i>17.765.034.567</i>
Tổng	71.004.947.502	70.776.683.950

5.15 Vay dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	602.750.000	-
Vay cá nhân	602.750.000	-
Tổng	602.750.000	-

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	22.000.000.000	-	4.076.953.189	2.130.976.440	5.891.227.111	34.099.156.740
Tăng trong năm	-	-	1.675.550.891	856.005.275	7.899.185.267	10.430.741.433
Trích quỹ	-	-	1.675.550.891	837.775.446	-	2.513.326.337
Lãi/lỗ	-	-	-	-	7.899.185.267	7.899.185.267
Tăng khác	-	-	-	18.229.829	-	18.229.829
Giảm trong năm	-	-	-	-	7.548.841.229	7.548.841.229
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.930.400.000	2.930.400.000
Trích quỹ	-	-	-	-	4.618.441.229	4.618.441.229
Số dư tại 31/12/2013	22.000.000.000	-	5.752.504.080	2.986.981.715	6.241.571.149	36.981.056.944
Số dư tại 01/01/2014	22.000.000.000	-	5.752.504.080	2.986.981.715	6.241.571.149	36.981.056.944
Tăng trong năm	22.000.000.000	9.900.000.000	1.579.837.053	789.918.527	9.959.303.311	44.229.058.891
Tăng vốn	22.000.000.000	9.900.000.000	-	-	-	31.900.000.000
Lãi/lỗ năm nay	-	-	-	-	9.959.303.311	9.959.303.311
Trích quỹ	-	-	1.579.837.053	789.918.527	-	2.369.755.580
Giảm trong năm	-	-	-	-	7.799.185.267	7.799.185.267
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.763.200.000	2.763.200.000
Trích quỹ	-	-	-	-	5.035.985.267	5.035.985.267
Số dư tại 31/12/2014	44.000.000.000	9.900.000.000	7.332.341.133	3.776.900.242	8.401.689.193	73.410.930.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	11.220.000.000	11.220.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	32.780.000.000	10.780.000.000
Tổng	44.000.000.000	22.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	22.000.000.000	22.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	22.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	44.000.000.000	22.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.763.200.000	2.930.400.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2014 Cổ phiếu	Năm 2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	2.200.000
Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	2.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	263.061.405.759	218.091.439.864
Doanh thu bán hàng	4.860.367.727	-
Tổng	267.921.773.486	218.091.439.864

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	223.616.595.480	182.689.912.483
Giá vốn bán hàng	4.615.960.195	-
Tổng	228.232.555.675	182.689.912.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.462.203.466	2.414.784.762
Cổ tức và lợi nhuận được chia	238.109.489	270.527.025
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.702.582	15.710.843
Doanh thu nhượng quyền thương mại	1.471.692.283	2.462.253.385
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	11.582.000
Tổng	3.182.707.820	5.174.858.015

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	126.900.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.892.480
Chi phí tài chính khác	-	4.639.595
Tổng	126.900.000	12.532.075

5.21 Lợi nhuận khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác	4.422.987.629	2.296.740.089
Thu tiền điện, nước, dịch vụ	873.236.438	643.899.957
Thuê văn phòng, sử dụng thiết bị các Trung tâm	2.293.856.419	819.387.529
Thu phạt vi phạm an ninh	186.850.000	-
Thu giải thưởng cuộc thi tuyển thiết kế quy hoạch kỹ thuật dự án	175.000.000	-
Thu nhập khác	894.044.772	833.452.603
Chi phí khác	83.274.930	119.196.436
Tiền phạt thuế	45.409.433	119.189.676
Chi phí khác	37.865.497	6.760
Lợi nhuận khác	4.339.712.699	2.177.543.653

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.726.537.590	10.481.801.240
Điều chỉnh tăng	89.909.530	119.189.676
<i>Chi phí không hợp lý cho mục tiêu thuế</i>	<i>89.909.530</i>	<i>119.189.676</i>
Điều chỉnh giảm	238.109.489	270.527.025
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>238.109.489</i>	<i>270.527.025</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.578.337.631	10.330.463.891
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.767.234.279	2.582.615.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	9.959.303.311	7.899.185.267
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	9.959.303.311	7.899.185.267
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành BQ trong kỳ	2.334.717	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.266	3.591

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.296.217.774	38.259.437.512
Chi phí nhân công	134.998.185.726	113.813.687.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.583.698.666	2.119.978.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.404.858.229	7.029.098.527
Chi phí khác bằng tiền	85.434.696.020	53.739.838.510
Tổng	262.717.656.415	214.962.040.292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thu nhập khác	4.186.229.018	3.298.995.828

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Tiền thuê văn phòng	335.022.060
Công ty Cổ phần Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Tiền thuê văn phòng Phí nhượng quyền thương hiệu Tiền thuê văn phòng	122.463.027 227.272.727 193.600.645
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Phí nhượng quyền thương hiệu Nhận cổ tức	467.851.818 50.400.000
Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Phí nhượng quyền thương hiệu Nhận cổ tức	433.077.272 76.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	Phí nhượng quyền thương hiệu Tiền thuê văn phòng	115.926.830 61.228.800
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Phí nhượng quyền thương hiệu	182.109.091
Công ty CP LD Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	Tiền thuê văn phòng	94.447.395
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Tiền thuê văn phòng Nhận cổ tức	25.920.240 17.459.489
Công ty LILAMA LAND	Nhận cổ tức	37.500.000
Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Nhận cổ tức	56.250.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	Tiền góp vốn	11.220.000.000	11.220.000.000

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.351.219.702	29.814.151.022
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.192.665.748	63.244.929.985
Đầu tư ngắn hạn	41.773.800.000	18.000.000.000
Đầu tư dài hạn	950.000.000	950.000.000
Tổng	147.267.685.450	112.009.081.007
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.357.933.500	2.400.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	83.859.581.631	78.649.737.645
Tổng	85.217.515.131	81.049.737.645

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty phát sinh khoản vay với giá trị nhỏ và phát sinh vào cuối năm 2014, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty chưa có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
31/12/2014			
Các khoản vay	1.357.933.500	602.750.000	1.960.683.500
Phải trả người bán và phải trả khác	83.859.581.631	-	83.859.581.631
Tổng	85.217.515.131	602.750.000	85.820.265.131
01/01/2014			
Các khoản vay	2.400.000.000	-	2.400.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	78.649.737.645	-	78.649.737.645
Tổng	81.049.737.645	81.049.737.645	81.049.737.645

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.351.219.702	-	30.351.219.702
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.192.665.748	-	74.192.665.748
Đầu tư ngắn hạn	41.773.800.000	-	41.773.800.000
Đầu tư dài hạn	950.000.000	-	950.000.000
Tổng	146.317.685.450	146.317.685.450	146.317.685.450
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.814.151.022	-	29.814.151.022
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.244.929.985	-	63.244.929.985
Đầu tư ngắn hạn	18.000.000.000	-	18.000.000.000
Đầu tư dài hạn	950.000.000	-	950.000.000
Tổng	112.009.081.007	112.009.081.007	112.009.081.007

6.3 Số liệu so sánh

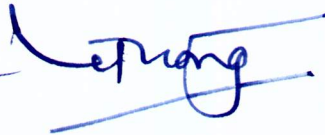
Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lưu Thị Mai Hiền

Lê Xuân Tường

Nguyễn Văn Công

